

Bản án số: 158/2022/DS-ST
Ngày 05 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp CK, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Phương N (Phan Văn N); cư trú tại: Ấp NC, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lâm Hồng Hân; cư trú tại: Ấp NC, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Như T trình bày: Trước đây, ông N và bà H làm chủ hụi, chị có tham gia chơi trong các dây hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 05/5/2019 âl, loại hụi 2.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hụi gồm 45 chung, chị tham gia 01 chung. Quá trình chơi hụi, chị đóng được 30 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hụi. Số tiền ông N và bà H nợ chị là $30 \text{ kỳ} \times 2.000.000\text{đ} = 60.000.000\text{đ}$.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 30/9/2019 âl, loại hụi 1.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hụi gồm 35 chung, chị tham gia 03 chung. Quá trình chơi hụi,

chị đóng được 35 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ chị là $(32 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ}) \times 3 = 96.500.000\text{đ}$ (đã trừ 03 chung của chị).

Dây hui thứ ba: Mở ngày 05/8/2018 âl, loại hui 1.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hui gồm 40 chung, chị tham gia 01 chung. Quá trình chơi hui, tôi đóng được 40 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ chị là $39 \text{ kỳ} \times 1.000.000\text{đ} = 39.000.000\text{đ}$ (đã trừ 01 chung của chị).

Dây hui thứ tư: Mở ngày 20/9/2020 âl, loại hui 5.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hui gồm 38 chung, chị tham gia 02 chung. Quá trình chơi hui, chị đóng được 14 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ chị là $(28 \text{ kỳ} \times 5.000.000\text{đ}) \times 02 = 140.000.000\text{đ}$.

Dây hui thứ năm: Mở ngày 20/4/2020 âl, loại hui 5.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hui gồm 23 chung, chị tham gia 01 chung. Quá trình chơi hui, chị đóng được 08 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông Nh, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông Nh và bà H nợ chị là $08 \text{ kỳ} \times 5.000.000\text{đ} = 40.000.000\text{đ}$.

Dây hui thứ sáu: Mở ngày 10/8/2020 âl, loại hui 2.000.000đ, một tháng khai 01 lần, dây hui gồm 40 chung, chị tham gia 01 chung. Quá trình chơi hui, chị đóng được 16 kỳ. Ngày 05/11/2021 âl, ông N, bà H tuyên bố đình hui. Số tiền ông N và bà H nợ chị là $16 \text{ kỳ} \times 2.000.000\text{đ} = 32.000.000\text{đ}$.

Từ ngày 10/12/2021 đến ngày 07/3/2022, ông N và bà H có trả cho chị được 70.000.000đ. Số tiền còn nợ 337.500.000đ. Nay chị yêu cầu ông N và bà H trả số tiền 337.500.000đ.

Đối với Phan Phương N, bà Lâm Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà Trân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Như T khởi kiện yêu cầu ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H trả tiền hui là vụ kiện tranh chấp hui, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông N, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, ông Nh, bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị T có tham gia chơi hui trong các dây hui do ông N, bà H làm chủ hui và ông N, bà H còn nợ tiền hui của chị T là thực tế có xảy ra. Đối với ông N, bà H thì không có ý kiến về

nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N, bà H là chủ hội, còn chị T là hội viên. Trong quá trình chơi hội, chị T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội cho ông N, bà H. Với vai trò là chủ hội, ông N và bà H là người bảo lãnh cho các hội viên tham gia. Cho nên, trong quá trình chơi hội nếu hội bị bể hay bị hội viên hốt mà không đóng hội lại hoặc đình hội thì ông N, bà H phải chịu trách nhiệm đối với các hội viên. Như vậy, việc ông N, bà H tự đình hội nên ông bà phải có trách nhiệm trả tiền hội lại cho hội viên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc ông N và bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần số tiền là 337.500.000đ.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông N và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $337.500.000đ \times 5\% = 16.875.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Như T.

1. Buộc ông Phan Phương N (Phan Văn N) và bà Lâm Hồng H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Như T số tiền 337.500.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Nguyễn Như T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông N, bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 16.875.000 đồng.

3.2. Chị Nguyễn Như T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 4.219.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0012690 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh